TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST Ngày 29-3-2022 V/v: "Ly hôn, con chung giữa chị Th và anh Việt A "	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lại Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Thọ

Bà Trần Thị Hồng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:*** Bà Đặng Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Th, sinh năm 1990; Địa chỉ: Khu phố Y, phường T, thị xã T1, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện đang tam trú tại: Xóm M1, thôn P, xã N, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Lương Việt A, sinh năm 1989; Địa chỉ: Xóm M1, thôn P, xã N, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Hiện đang cứ trú và lao động tại Malaysia.

- *Người làm chứng:* Ông Lương Thanh Ph; Địa chỉ: Ngõ 21, đường Phùng Khắc Hoan, phường Mỹ Xá, thành phố N, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa có mặt chị Th; vắng mặt anh Việt A , ông Ph không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Th kết hôn với anh Lương Việt A trên cơ sở tự do tìm hiểu khoảng 3 năm, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 23 tháng 12 năm 2011 tại Uỷ ban nhân dân xã N, thành phố N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn chị Th và anh Việt A chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh Việt A ở xóm M1, thôn P, xã N, thành phố N, tỉnh Nam Định, chị Th làm kế toán cho Công ty xây lắp điện Thiên L, anh Việt A cắt tóc tại nhà, vợ chồng chung sống hòa thuận đến cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Việt A ham mê cờ bạc cá độ bóng đá, vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau và sống ly thân đến tháng 10 năm 2015 thì về sống cùng nhau, vợ chồng cùng lên T1 - Bắc Ninh làm ăn. Đến giữa năm 2018 thì lại phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vẫn là do anh Việt A chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ lần, vợ chồng xảy ra xô sát cãi chửi nhau và sống ly thân từ đó cho đến nay. Cuối năm 2019 anh Việt A làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Malaysia từ đó cho đến nay chưa về nước lần nào, từ tháng 10 năm 2020 chị Th chuyển về Nam Định làm việc cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng chị cũng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, quan điểm sống khác nhau, thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu nên không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, do khoảng cách địa lý xa cách nên vợ chồng ít liên lạc với nhau và không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm với nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Việt A.

Về con chung: Vợ chồng chị Trần Thị Th và anh Lương Việt A có hai con chung cháu Lương Nhật A, sinh ngày 01-10-2012 và cháu Lương Nhật M, sinh ngày 17-3-2017, hiện nay hai con chung đang ở cùng với chị Th tại nhà bố mẹ chị, cháu A đang học lớp 4 trường tiểu học xã N, cháu M học lớp 4 tuổi trường mầm non xã N. Khi ly hôn nguyện vọng của chị Th xin được nuôi dưỡng chăm sóc hai con chung, chị Th không yêu cầu anh Việt A phải cấp dưỡng nuôi con cho chị. Hiện nay chị đang làm kế toán tại Công ty xây lắp Đ, lương mỗi tháng khoảng 12.000.000đ chị có thể đảm bảo cuộc sống nuôi hai con chung. Anh Việt A đang ở Malaysia không có điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc hai con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Chị Trần Thị Th trình bày vợ chồng chị không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Do hiện nay anh Lương Việt A đang cư trú và lao động tại Malaysia nên chị Th đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

* Bị đơn anh Lương Việt A đang đi xuất khẩu lao động tại Malaysia. Ông Lương Thanh Ph (là bố đẻ anh Việt A) đã nhận các văn bản tố tụng thay cho anh Việt A . Đến nay anh Việt A không có quan điểm của mình đối với vụ án.

* Tại biên bản làm việc ngày 22 tháng 12 năm 2021, ông Lương Thanh Ph trình bày: Con trai ông là anh Lương Việt A hiện đang cư trú và lao động tại

Malaysia, địa chỉ cụ thể như thế nào ông không được biết, chỉ biết anh Việt A đi xuất khẩu lao động khoảng thời gian tháng 8 năm 2019. Trong cuộc sống hàng ngày, anh Việt A chỉ liên lạc với gia đình ông thông qua vợ ông bà Nguyễn Thị ngọc, anh Việt A đi theo diện hợp đồng lao động. Ông nhất trí nhận thông báo thụ lý và sẽ trao đổi để vợ ông gửi giấy tờ của Tòa án cho anh Việt A biết và thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại phiên toà hôm nay, chị Trần Thị Th vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày. Anh Lương Việt A đang đi xuất khẩu lao động tại Malaysia nên vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thông qua việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tống đạt các quyết định tố tụng theo quy định tại các Điều 170,171,175,177, 220 BLTTDS năm 2015. Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS như cung cấp chứng cứ, nguyên đơn tham gia phiên họp, phiên tòa. Bị đơn không có văn bản và tài liệu chứng cứ giao nộp cho Tòa án là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Về nội dung vụ án, theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; có đủ căn cứ xử ly hôn giữa chị Trần Thị Th và anh Lương Việt A. Con chung đề nghị giao cháu Lương Nhật A và cháu Lương Nhật M cho chị Th nuôi dưỡng, chăm sóc, anh Việt A không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Th theo quy định của pháp luật mà được quyền đi lại thăm nom con. Tài sản chung và công nợ của chị Th và anh Việt A không có nên không cần đề cập, giải quyết. Án phí chị Th phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lương Việt A đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 thông qua ông Lương Thanh Ph là bố đẻ anh Việt A nhưng anh Việt A vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Việt A .

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Th và anh Lương Việt A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 23 tháng 12 năm 2011 tại Uỷ ban nhân dân xã N, thành phố N, tỉnh Nam Định như vậy cuộc hôn nhân này là hợp pháp.

[3] Trong quá trình chung sống giữa chị Trần Thị Th và anh Lương Việt A đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị

Th để giải phóng cho hai bên là phù hợp với quy định tại Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị Trần Thị Th và anh Lương Việt A có hai con chung cháu Lương Nhật A, sinh ngày 01-10-2012 và cháu Lương Nhật M, sinh ngày 17-3-2017, hiện nay hai con chung đang do chị Th nuôi dưỡng. Khi ly hôn, do hai con chung đang ở với chị Th, anh Việt A lại đang đi xuất khẩu lao động tại Malaysia và để các con được tiếp tục học hành ổn định nên chị Th đề nghị Tòa án giao cả 2 con chung cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc chị Th không yêu cầu anh Việt A phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Xét nguyện vọng của chị Th trong việc nuôi con chung và cấp dưỡng thì thấy: Cháu Lương Nhật A đã có ý kiến thể hiện nguyện vọng xin được ở với mẹ và ông bà ngoại, trên thực tế trong suốt thời gian từ cuối năm 2019 đến nay, hai con chung vẫn đang do chị Th và gia đình nuôi dưỡng chăm sóc. Anh Việt A lại đang đi xuất khẩu lao động tại Malaysia và hai con chung hiện nay con nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, xét để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của hai con chung nên cần tiếp tục giao cháu Lương Nhật A và cháu Lương Nhật M cho chị Th tiếp tục được nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 71, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay chị Trần Thị Th không yêu cầu anh Lương Việt A phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét đề nghị của chị Th là hoàn toàn tự nguyện. Do đó trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con chung không đặt ra giải quyết.

[7] Về tài sản chung và công nợ: Chị Trần Thị Th trình bày vợ chồng chị không có tài sản chung, không có công nợ chung, anh Lương Việt A không có ý kiến gì về tài sản chung và công nợ nên về phần tài sản chung và công nợ của vợ chồng chị Th, anh Việt A Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Trần Thị Th phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Trần Thị Th và anh Lương Việt A.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung cháu Lương Nhật A, sinh ngày 01-10-2012 và cháu Lương Nhật M, sinh ngày 17-3-2017, cho chị Trần Thị Th

trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh Lương Việt A không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Th mà có quyền chăm sóc, thăm nom con nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0006710 ngày 18-11-2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định, chị Trần Thị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Lương Việt A vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn một tháng tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- UBND xã N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Văn Tùng